

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **51** /2026/QĐ-CTUBND

Quảng Trị, ngày **30** tháng **6** năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và Nghị định số 52/2026/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3628/TTr-STC ngày 18 tháng 5 năm 2026.*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, xử lý và khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; cụ thể như sau:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ; thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các loại tài sản công khác theo quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 10, Điều 11, Điều 45 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

*m*

c) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công theo quy định tại điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14; điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22, điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công theo quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 3 Điều 47 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

l) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

m) Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

n) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) đối với các dự án thuộc địa phương quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Quảng Trị (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh).

2. UBND cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

*m*

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

### **Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật**

1. Trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô; Sở Tài chính quyết định giao tài sản đối với phương tiện vận tải đường bộ, phương tiện vận tải đường thủy và các loại phương tiện vận tải khác (sau đây gọi chung là các loại phương tiện vận tải).

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định giao tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định giao tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định giao tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm việc giao tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện bàn giao quyền quản lý, sử dụng trước khi tổ chức lại chính quyền địa phương 02 cấp).

3. Không thực hiện việc giao tài sản bằng hiện vật đối với tài sản công hình thành từ hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm trong các trường hợp sau đây:

a) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư, Quyết định đầu tư hoặc các Quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền về mua sắm tài sản công đã xác định rõ cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản sau đầu tư, mua sắm, và cơ quan, tổ chức, đơn vị này trực tiếp tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản ngay sau khi hoàn thành đầu tư, mua sắm;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh; cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND cấp xã được giao quản lý, sử dụng tài sản đồng thời là chủ đầu tư dự án hoặc là đơn vị được giao dự toán ngân sách để thực hiện mua sắm tài sản công;

c) Tài sản công được đầu tư xây dựng, mua sắm để bổ sung, mở rộng, thay thế tài sản hiện có của cơ quan, tổ chức, đơn vị không làm thay đổi chủ thể quản lý, sử dụng tài sản đã được giao.

### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với các đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp Nhà nước không bố trí được nhà ở công vụ và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định mức khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ đối với các đối tượng khoán thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp Nhà nước không bố trí được nhà ở công vụ và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

**Điều 5. Thẩm quyền quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và thẩm quyền quyết định việc khoán kinh phí sử dụng các loại tài sản công khác (trừ xe ô tô)**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và việc khoán kinh phí sử dụng các loại tài sản công khác đối với cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và việc khoán kinh phí sử dụng các loại tài sản công khác đối với cán bộ, công chức và đối tượng khác thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công**

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Không áp dụng quy định tại Điều này đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

**Điều 7. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**

1. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình và đề án sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1. Trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô; Sở Tài chính quyết định thu hồi:

a) Các loại phương tiện vận tải.

b) Tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thu hồi tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô; Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công đối với các trường hợp sau:

a) Phương tiện vận tải có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc phương tiện có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh.

c) Tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc.

d) Tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã.

đ) Tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng sang các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND cấp xã.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

### **Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định bán tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp:

a) Tài sản có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các loại tài sản cố định còn lại.

2. Chủ tịch UBND cấp xã quyết định bán tài sản công (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô) đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong các trường hợp:

a) Tài sản có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp chưa được theo dõi trên sổ kế toán tại đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các loại tài sản cố định còn lại.

3. Không áp dụng quy định tại Điều này đối với:

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Tài sản công có nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định điều chuyển, bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công**

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được thực hiện như sau:

a) Sở Tài chính quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh.

Giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thuộc UBND tỉnh.

Giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc) với UBND cấp xã và ngược lại.

b) Sở Tài chính quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh sang cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh) và các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã.

c) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp xã.

2. Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh quyết định bán:

Vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên phát sinh tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

Vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên tại cơ quan, tổ chức mình và các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên phát sinh tại đơn vị mình và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định bán:

Vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên tại các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

Vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên tại các đơn vị sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý.

d) Không áp dụng quy định tại Điều này đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

## **Điều 12. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định**

1. Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định đối với các trường hợp sau đây:

a) Nhà, đất theo hình thức phá dỡ có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô (không bao gồm xe ô tô có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập) có nguyên giá không quá 1,6 tỷ đồng/xe; các loại phương tiện vận tải có nguyên giá từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản;

c) Tài sản cố định khác có nguyên giá từ 01 tỷ đồng đến dưới 03 tỷ đồng/01 gói tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh (bao gồm cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh)

2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại các khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định thanh lý được phân cấp như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thanh lý đối với tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Không áp dụng quy định tại Điều này đối với:

Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Tài sản công có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

**Điều 13. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định**

1. Trừ trụ sở làm việc (không bao gồm đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm đất) và xe ô tô; Sở Tài chính quyết định tiêu hủy tài sản công là các loại phương tiện vận tải có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Không áp dụng quy định tại Điều này đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

**Điều 14. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Trừ trụ sở làm việc (không bao gồm đất), cơ sở hoạt động sự nghiệp (không bao gồm đất) và xe ô tô; Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là các loại phương tiện vận tải có nguyên giá từ 10 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng và tài sản

công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Không áp dụng quy định tại Điều này đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

**Điều 15. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; Sở Tài chính quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công là xe ô tô; các loại phương tiện vận tải có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình và tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

c) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 16. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) đối với các dự án thuộc địa phương quản lý**

1. Trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô; Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) đối với tài sản công là các loại phương tiện vận tải có nguyên giá từ 10 triệu đồng trở lên/ 01 đơn vị tài sản.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc UBND tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của

quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) trong trường hợp trực tiếp được giao nhiệm vụ thực hiện dự án hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án.

b) Chủ tịch UBND cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án (trường hợp dự án không xác định cụ thể đối tượng thụ hưởng) trong trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ thực hiện dự án hoặc các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện dự án.

### **Điều 17. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện Quyết định này; quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh vướng mắc tổng hợp, báo cáo, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 17;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Quảng Trị;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Điều hành thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *N*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Nam**